

Số : 99 /KH-UBND

*Lào Cai, ngày 8 tháng 3 năm 2021*

## **KẾ HOẠCH**

### **Thực hiện Đề án 7-ĐA/TU về “Bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân và công tác dân số tỉnh Lào Cai trong tình hình mới, giai đoạn 2020 - 2025”**

Thực hiện Đề án 07-ĐA/TU ngày 11/12/2020 về “Bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân và công tác dân số tỉnh Lào Cai trong tình hình mới, giai đoạn 2020 - 2025”; Quyết định số 721/QĐ-UBND ngày 04/3/2021 của UBND tỉnh Lào Cai về việc Ban hành các Dự án thực hiện Đề án 07-ĐA/TU về “Bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân và công tác dân số tỉnh Lào Cai trong tình hình mới giai đoạn 2020-2025”, UBND tỉnh Lào Cai ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án 07-ĐA/TU giai đoạn 2021-2025 như sau:

#### **I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU**

##### **1. Mục đích**

- Nhằm thực hiện hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ trong Đề án 07-ĐA/TU của Tỉnh ủy Lào Cai về “Bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân và công tác dân số tỉnh Lào Cai trong tình hình mới, giai đoạn 2020 - 2025”; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực trong triển khai thực hiện Đề án.

- Tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ và thống nhất trong nhận thức, hành động của các cấp ủy, chính quyền địa phương, của các ban, ngành, đoàn thể và nhân dân trong bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân và công tác dân số trong tình hình mới.

##### **2. Yêu cầu**

- Việc triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án đảm bảo tính khoa học, đồng bộ, hiệu quả.

- Thực hiện nghiêm túc việc báo cáo, kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng đối với việc thực hiện các nhiệm vụ của Đề án; kịp thời có các đề xuất, kiến nghị nhằm giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

- Phân công rõ nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, các địa phương trong quá trình phối hợp thực hiện Đề án.

#### **II. MỤC TIÊU**

##### **1. Mục tiêu tổng quát**

Nâng cao sức khỏe cả về thể chất và tinh thần, tầm vóc, tuổi thọ, chất lượng cuộc sống của nhân dân. Xây dựng hệ thống y tế từng bước hiện đại công bằng, chất lượng, hiệu quả và hội nhập quốc tế. Phát triển nền y học khoa học,

dân tộc và đại chúng. Bảo đảm mọi người dân đều được quản lý, chăm sóc sức khỏe. Xây dựng đội ngũ cán bộ y tế "Thầy thuốc như mẹ hiền", có năng lực chuyên môn vững vàng. Giữ vững mức độ phát triển khá so với toàn quốc và ở mức cao so với các tỉnh trung du miền núi phía Bắc. Phát huy lợi thế của tỉnh, nâng cao năng lực cạnh tranh trong cung ứng dược phẩm, sản xuất dược liệu đặc hữu và đẩy mạnh phát triển dịch vụ y tế du lịch. Đạt và vượt các chỉ tiêu sức khỏe trong kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI.

## **2. Mục tiêu cụ thể giai đoạn 2020-2025**

- Tuổi thọ trung bình: 74 tuổi.
- Đạt 46,5 giường bệnh, 15 bác sỹ và 3,5 dược sỹ đại học/vạn dân.
- Tỷ lệ người dân có thẻ bảo hiểm y tế đạt trên 98% dân số.
- Tỷ lệ trẻ dưới 1 tuổi được TCĐĐ<sup>1</sup> các loại vắc xin đạt trên 95%. Giảm tỷ xuất tử vong trẻ dưới 5 tuổi còn  $\leq 18,5\%$ ; tử vong trẻ dưới 1 tuổi còn  $\leq 12,5\%$ .
- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi SDD<sup>2</sup> thể thấp còi còn dưới 26,7%; SDD thể nhẹ cân còn dưới 13%.
- Tỷ lệ dân số được quản lý bằng hồ sơ sức khỏe điện tử đạt trên 90%; tỷ lệ trạm y tế xã, phường, thị trấn thực hiện dự phòng, quản lý điều trị một số bệnh không lây nhiễm đạt trên 95%; 100% xã, phường, thị trấn đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế.
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên đạt 1,0 - 1,2%; tỷ số giới tính khi sinh đạt 112 trẻ nam/100 trẻ nữ; tỷ lệ phụ nữ mang thai được sàng lọc trước sinh đạt 40% trở lên; tỷ lệ trẻ sơ sinh được sàng lọc đạt 60% trở lên. Tỷ lệ người cao tuổi được quản lý đạt 70% trở lên.
- Số ca ngộ độc thực phẩm cấp tính được báo cáo trên 100.000 dân còn dưới 7,5 ca.
- Tỷ lệ hài lòng của người dân với dịch vụ y tế đạt trên 90%.

*(Chi tiết tại Phụ biểu 1,2 đính kèm)*

## **III. NHIỆM VỤ**

### **1. Tiếp tục phát triển hệ thống y tế**

#### **1.1. Tuyển tỉnh**

- Ôn định tổ chức cơ quan QLNN về y tế gồm 03 đơn vị: Sở Y tế, Chi cục DS-KHHGD và Chi cục An toàn VSTP.
- Các đơn vị chuyên ngành và DP tuyển tỉnh gồm các trung tâm: Kiểm soát bệnh tật, Kiểm nghiệm, Kiểm dịch Y tế quốc tế, Giám định YK, Pháp Y.
- Các bệnh viện tuyển tỉnh gồm BVĐK<sup>3</sup> tỉnh, BV Sản Nhi, BV Y học cổ truyền, BV Phục hồi chức năng, Bệnh viện Nội tiết. Tiếp tục phát triển mở rộng quy mô các bệnh viện, có các trung tâm trực thuộc, trung tâm kỹ thuật cao.

<sup>1</sup> Tiêm chủng đầy đủ

<sup>2</sup> Suy dinh dưỡng

## **1.2. Tuyển huyện**

Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện tham mưu quản lý nhà nước về y tế trên địa bàn. Giữ nguyên mô hình 2 đơn vị BVĐK và TTYT<sup>4</sup> tuyển huyện. Tiếp tục mô hình TTYT đa chức năng tại huyện Si Ma Cai; nghiên cứu, thí điểm việc chuyển giao Trung tâm y tế về cấp huyện quản lý. Tiếp tục xem xét, giải thể PKĐKKV<sup>5</sup> có công suất hoạt động thấp; nghiên cứu thành lập lại một số PKĐKKV khu vực trọng điểm: Hợp thành (TP Lào Cai), Y tỷ (Bát Xát).

Quy mô giường bệnh đến năm 2025 (không tính giường trạm y tế): 3.780 giường bệnh (tăng 580 giường), đạt 46,5 giường bệnh/10.000 dân.

## **1.3. Tuyển xã**

Khi đủ điều kiện, sáp nhập 09 trạm y tế thị trấn thuộc 07 huyện; 06 TYT<sup>6</sup> phường thuộc thị xã Sa Pa, 10 TYT phường thuộc TP Lào Cai vào hoạt động lồng ghép tại trung tâm y tế; sau sáp nhập còn 127 trạm y tế hoạt động độc lập.

## **2. Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế**

### **2.1. Cơ sở vật chất**

#### **2.1.1. Tuyển tỉnh**

Nghiên cứu đầu tư nâng cấp BVĐK tỉnh giai đoạn 2 đáp ứng quy mô 900-1.000 GB (bao gồm cả GB XHH). Phát triển khu dịch vụ kỹ thuật cao theo yêu cầu từ nguồn xã hội hóa tại BV<sup>7</sup> Sản Nhi. Xây dựng Trung tâm chăm sóc sức khỏe người cao tuổi thuộc BV Phục hồi chức năng. Quy hoạch, bố trí quỹ đất đầu tư xây mới Trung tâm Kiểm dịch Y tế quốc tế.

#### **2.1.2. Tuyển huyện**

Xây mới, nâng cấp BVĐK các huyện; phát triển quỹ đất các bệnh viện đảm bảo từ 3-5 ha. Đầu tư xây mới, nâng cấp các trung tâm y tế, từng bước quy hoạch vị trí sát với BVĐK, nâng cấp các PKĐKKV đã xuống cấp.

#### **2.1.3. Tuyển xã**

Xây mới 02 trạm y tế; nâng cấp, bổ sung hạng mục (nhà công vụ, tường bao...) cho 67 trạm y tế xã.

### **2.2. Trang thiết bị y tế**

Tiếp tục bổ sung trang thiết bị cho các đơn vị y tế cơ bản đạt chuẩn theo quy định của Bộ Y tế, đáp ứng triển khai các dịch vụ chuyên môn kỹ thuật theo phân tuyến. Ưu tiên trang bị theo hướng đồng bộ, hiện đại và chuyên sâu cho tuyến tỉnh, các dịch vụ y tế cơ bản cho tuyến cơ sở.

## **3. Nâng cao sức khỏe nhân dân**

- Tập trung tuyên truyền nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi, đề cao trách nhiệm của hệ thống chính trị, toàn xã hội về chăm sóc, nâng cao sức khỏe;

<sup>3</sup> Bệnh viện đa khoa

<sup>4</sup> TTYT: Trung tâm y tế

<sup>5</sup> PKĐKKV: Phòng khám đa khoa khu vực

<sup>6</sup> TYT: Trạm y tế

<sup>7</sup> Bệnh viện

xây dựng và tổ chức thực hiện đồng bộ các đề án, chương trình về nâng cao sức khỏe và tầm vóc người Việt Nam. Quan tâm bảo vệ, nâng cao sức khỏe người dân ở vùng nông thôn, biên giới, vùng sâu, vùng xa.

- Triển khai quản lý sức khỏe toàn dân theo nguyên lý y học gia đình; sàng lọc và quản lý điều trị một số bệnh không lây nhiễm tại tuyến xã. Bảo đảm cung ứng vắc xin, nâng cao chất lượng công tác tiêm chủng.

- Khuyến nghị, phổ biến chế độ dinh dưỡng phù hợp; bổ sung vi chất cần thiết cho phụ nữ có thai, phụ nữ cho con bú, trẻ em, người cao tuổi. Thực hiện hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn về ATTP<sup>8</sup>; đánh giá nguy cơ, kiểm soát chặt chẽ, thực hiện nghiêm các quy định về bảo đảm ATTP.

- Tập trung chỉ đạo công tác phòng, chống và cai nghiện ma túy; giảm tiêu thụ và giảm tác hại của rượu, bia, thuốc lá. Triển khai đồng bộ các giải pháp phòng, chống thảm họa; an toàn giao thông, an toàn lao động, v.v.

- Tăng cường công tác y tế học đường, triển khai đồng bộ các giải pháp giảm thiểu ảnh hưởng xấu từ ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu tới sức khỏe, bảo đảm nguồn nước sạch. Đẩy mạnh các hoạt động văn hoá, thể thao; xây dựng nếp sống văn minh, lối sống lành mạnh, hợp vệ sinh.

#### **4. Phát triển y tế dự phòng, nâng cao năng lực phòng, chống dịch bệnh gắn với đổi mới y tế cơ sở**

- Bảo đảm an ninh y tế, tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống dịch bệnh. Củng cố vững chắc hệ thống tiêm chủng; tăng số loại vắc xin trong chương trình tiêm chủng. Triển khai đồng bộ các hoạt động phòng, chống các bệnh không lây nhiễm, phát triển y học gia đình.

- Tiếp tục củng cố, phát triển và thực hiện đổi mới mạnh mẽ cơ chế và phương thức hoạt động mạng lưới y tế, đặc biệt là y tế cấp xã. Sắp xếp tinh gọn hệ thống trạm y tế phường, thị trấn; tăng cường nhân lực, bố trí hợp lý, phân đầu tăng số bác sỹ định biên trạm y tế; các trạm không có bác sỹ thì luân phiên tăng cường. Thường xuyên đào tạo, đào tạo lại nâng cao năng lực, duy trì 100% thôn bản có nhân viên y tế thôn bản hoạt động hiệu quả.

- Tiếp tục bổ sung, điều chỉnh trang thiết bị công tác y tế dự phòng của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, Trung tâm Kiểm nghiệm tỉnh, các đơn vị dự phòng tuyến huyện; trang thiết bị của PKĐKKV. Rà soát, điều chuyển, bổ sung trang thiết bị trạm y tế đủ theo danh mục quy định của Bộ Y tế.

- Khuyến khích phát triển cơ sở y tế dự phòng ngoài công lập tại khu vực thành thị. Phối hợp các lực lượng, thực hiện tốt chương trình kết hợp quân dân y.

#### **5. Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh**

- Tăng cường năng lực hệ thống khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng ở tuyến tỉnh, tuyến huyện, đảm bảo người dân thuận tiện tiếp cận với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe. Đảm bảo tính hệ thống và tính liên tục giữa các tuyến điều trị và sự phát triển cân đối, hợp lý giữa các BVĐK, BV chuyên khoa.

---

<sup>8</sup>ATTP: An toàn thực phẩm

- Các bệnh viện xây dựng mới phù hợp với quy hoạch chung và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; có đủ điều kiện xử lý chất thải y tế và khả năng kiểm soát nhiễm khuẩn tại bệnh viện.

- Thực hiện đúng phác đồ, quy trình, hướng dẫn điều trị; lộ trình thông tuyến khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế; lộ trình liên thông; nâng cao chất lượng dịch vụ, khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ ngay tại tuyến dưới.

- Duy trì, phát triển các BV vệ tinh, có sự hỗ trợ, tương tác về chuyên môn nghiệp vụ giữa các tuyến; tăng cường đào tạo, luân phiên cán bộ y tế, chuyển giao kỹ thuật cho tuyến dưới. Phát triển đồng bộ, tạo môi trường bình đẳng giữa các cơ sở khám, chữa bệnh công và tư.

- Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ, nâng cao y đức; xây dựng bệnh viện xanh - sạch - đẹp, an toàn, văn minh, hướng tới CSSK<sup>9</sup> toàn diện. Đẩy nhanh cải cách hành chính, ứng dụng CNTT<sup>10</sup> trong quản lý bệnh viện, giám định bảo hiểm y tế, bệnh án điện tử tới việc thành lập các trung tâm hỗ trợ chẩn đoán, xét nghiệm, khám, chữa bệnh từ xa qua hệ thống PACS có thu phí.

- Tăng cường khám, chữa bệnh cho các đối tượng chính sách. Triển khai các mô hình tổ chức linh hoạt, bảo đảm dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh. Tăng cường kết hợp y học cổ truyền (YHCT) với y học hiện đại trong khám chữa bệnh (KCB), phục hồi chức năng.

## **6. Đẩy mạnh phát triển lĩnh vực dược và thiết bị y tế**

- Bảo đảm thuốc đủ, có chất lượng, giá hợp lý, đáp ứng nhu cầu phòng bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng của các cơ sở y tế và người bệnh; đảm bảo sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả. Tổ chức đấu thầu thiết bị, hoá chất, vật tư y tế theo hướng dẫn của Bộ Y tế, bảo đảm công khai, minh bạch.

- Củng cố cơ sở vật chất, trang thiết bị, xây dựng và duy trì áp dụng thực hiện các nguyên tắc, tiêu chuẩn “thực hành tốt bảo quản thuốc”, “thực hành tốt phân phối thuốc”. Khuyến khích phát triển cơ sở sản xuất, chế biến thuốc cổ truyền. Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng các bài thuốc cổ truyền.

- Tăng cường quản lý chất lượng thuốc, duy trì áp dụng nguyên tắc, tiêu chuẩn “thực hành tốt phòng thí nghiệm” tại Trung tâm Kiểm nghiệm tỉnh; đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, phối hợp trong phòng chống thuốc giả, kém chất lượng, không rõ nguồn gốc trên thị trường.

- Duy trì và tăng cường thực hiện các nguyên tắc, tiêu chuẩn “thực hành tốt bảo quản thuốc”, “thực hành tốt phân phối thuốc”, “thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc”, tăng cường hoạt động kết nối liên thông dữ liệu dược trong các cơ sở bán buôn thuốc, các nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế. Khuyến khích phát triển quy mô hệ thống cơ sở sản xuất, kinh doanh dược trên địa bàn.

## **7. Phát triển dịch vụ kỹ thuật y tế**

<sup>9</sup>CSSK: Chăm sóc sức khỏe

<sup>10</sup> Công nghệ thông tin

- Thực hiện tốt các dịch vụ y tế theo tuyến kỹ thuật:Phấn đấu thực hiện trên 80% danh mục kỹ thuật theo phân tuyến của Bộ Y tế; tăng cường KCB tại tuyến cơ sở, giảm quá tải cho các bệnh viện tuyến trên. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thực hiện trên 85% danh mục kỹ thuật theo quy định của Bộ Y tế. Duy trì Trung tâm Kiểm nghiệm tỉnh đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn “Thực hành tốt phòng thí nghiệm - GLP”; đến năm 2025 thực hiện trên 36 phép thử theo chuẩn GLP và 22 phép thử theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017; Y tế cơ sở thực hiện ít nhất 80% các kỹ thuật trong gói dịch vụ y tế cơ bản.

- Triển khai các dịch vụ y tế kỹ thuật cao: Tiếp tục triển khai có hiệu quả Đề án Bệnh viện vệ tinh, Đề án 585, Đề án 1816 của Bộ Y tế. Tiếp nhận và thực hiện thành thạo một số kỹ thuật cao, kỹ thuật chuyên sâu từ các bệnh viện tuyến Trung ương; hỗ trợ chuyển giao kỹ thuật từ tuyến tỉnh xuống tuyến huyện. Triển khai dịch vụ phòng bệnh như tầm soát sớm ung thư, đái tháo đường; xét nghiệm chẩn đoán sớm dịch bệnh, kiểm nghiệm thực phẩm, nước sinh hoạt; duy trì và mở rộng các chỉ tiêu kiểm nghiệm ATTP đạt chuẩn ISO 17025; duy trì hoạt động tư vấn xét nghiệm, công tác quản lý điều trị HIV/AIDS, phát triển y tế tư nhân trong lĩnh vực dự phòng.

- Phát triển dịch vụ theo yêu cầu, đẩy mạnh xã hội hóa, liên kết công - tư. Triển khai dịch vụ khám chữa bệnh theo yêu cầu theo đề án đã được phê duyệt; khuyến khích phát triển y tế tư nhân. Phát triển dịch vụ phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu (phòng khám bác sỹ gia đình), duy trì tiêm chủng vắc xin dịch vụ, quản lý sức khỏe định kỳ cho cán bộ viên chức và người lao động, khám bệnh nghề nghiệp vệ sinh, quan trắc môi trường, .v.v.

### **8. Tăng cường công tác bảo đảm ATTP**

- Củng cố, nâng cao năng lực trong quản lý, giám sát công tác bảo đảm ATTP, chỉ đạo phối hợp tốt giữa các ngành liên quan với các cấp uỷ, chính quyền địa phương trong công tác bảo đảm ATTP.

- Tổ chức tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng điều tra, xử lý; lấy mẫu kiểm nghiệm, thực hiện test nhanh trong phát hiện sớm chẩn đoán, xử lý kịp thời các nguy cơ ngộ độc thực phẩm. Quản lý chặt chẽ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, chế biến thực phẩm.

- Tăng cường truyền thông về ATTP với nhiều hình thức phù hợp với từng vùng, dân tộc; kết hợp giữa truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng với truyền thông trực tiếp tại cộng đồng. Xây dựng và nhân bản các ấn phẩm (Tờ rơi, Pa no, băng đĩa) cho công tác truyền thông về ATTP.

### **9. Đẩy mạnh công tác dân số hướng tới mục tiêu dân số và phát triển**

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo công tác dân số- kế hoạch hoá gia đình, đưa dân số thành một chỉ tiêu trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; lồng ghép các nội dung về dân số vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn và nghiên cứu khoa học tại các trường, cơ sở đào tạo trong tỉnh

- Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ đảng, chính quyền địa phương; đồng thời thực hiện quản lý chuyên môn thống nhất. Thực hiện đầy đủ thỏa

đáng, nâng cao hiệu quả hoạt động của đội ngũ công tác viên ở thôn, tổ dân phố... Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, chuẩn hoá đội ngũ cán bộ dân số các cấp đáp ứng yêu cầu về công tác DS trong tình hình mới.

- Tăng cường Truyền thông, vận động thực hiện công tác dân số trong tình hình mới: Tổ chức hiệu quả chiến dịch truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ SKSS<sup>11</sup>/KHHGD<sup>12</sup>; truyền thông tăng cường tại những địa bàn khó khăn; khai thác lợi thế của CNTT và các loại hình truyền thông mới; giáo dục dân số, giới tính, SKSS/KHHGD.

- Nâng cao nhận thức, thực hành về bình đẳng giới; đẩy mạnh truyền thông giáo dục chuyển đổi hành vi nhằm giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh. Tạo chuyển biến từng bước giảm tỉ số giới tính khi sinh trở lại mức tự nhiên, ngăn ngừa và tiến tới loại bỏ tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

- Đảm bảo hậu cần và cung cấp dịch vụ KHHGD đáp ứng nhu cầu sử dụng các biện pháp tránh thai, nhằm duy trì mức sinh thay thế trên địa bàn toàn tỉnh; hỗ trợ thanh toán các dịch vụ kỹ thuật SKSS/KHHGD cho đối tượng là người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân tộc thiểu số (DTTS) tại các xã đặc biệt khó khăn; hỗ trợ cán bộ dân số tham gia thực hiện chiến dịch tại các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, vùng sâu, vùng xa. Xã hội hóa công tác dân số, tiếp thị xã hội các phương tiện tránh thai tại địa bàn thành phố và vùng nông thôn phát triển theo đề án của Bộ Y tế.

- Phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của mạng lưới cung cấp dịch vụ dân số toàn diện về quy mô, cơ cấu, chất lượng và phân bố dân số. Đẩy mạnh các dịch vụ chăm sóc, nâng cao chất lượng giống nòi: Tư vấn, giáo dục dân số, giới tính, SKSS/KHHGD cho thanh niên, vị thành niên; mở rộng dịch vụ sàng lọc trước sinh và sàng lọc sơ sinh, quản lý, khám sức khỏe cho người cao tuổi. Tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ cán bộ làm công tác dân số các cấp, thành viên Ban chỉ đạo công tác dân số ở cơ sở, trưởng thôn bản; đưa chính sách dân số vào hương ước, quy ước làng, bản.

- Quản lý, khám sức khỏe định kỳ, sàng lọc phát hiện bệnh sớm cho người cao tuổi tại cộng đồng; xây dựng mô hình chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng, chăm sóc sức khỏe tập trung cho người cao tuổi. Sàng lọc phát hiện khuyết tật, xây dựng mô hình phục hồi chức năng cho người khuyết tật; tổ chức đào tạo, tập huấn về quản lý, cung cấp dịch vụ phục hồi chức năng cơ bản tại cơ sở.

## **10. Phát triển nhân lực và khoa học - công nghệ y tế**

- Thực hiện công tác đào tạo, tuyển dụng nhân lực y tế đáp ứng nhu cầu theo tuyến chuyên môn, theo chức năng nhiệm vụ. Ưu tiên nhân lực y tế tuyến xã, các bệnh viện tuyến huyện và đào tạo nâng cao chất lượng cán bộ y tế tuyến tỉnh. Duy trì, thực hiện có hiệu quả Đề án bệnh viện vệ tinh, đề án 1816 về luân phiên cán bộ chuyên môn cho tuyến dưới, hỗ trợ, chuyển giao kỹ thuật.

<sup>11</sup>SKSS: Sức khỏe sinh sản

<sup>12</sup>KHHGD: Kế hoạch hóa gia đình

- Xây dựng đội ngũ cán bộ y tế có trình độ chuyên môn kỹ thuật giỏi, trách nhiệm cao, có phong cách và tinh thần thái độ phục vụ tốt, có năng lực trong công tác tham mưu, quản lý, góp phần phát triển y tế Lào Cai bền vững.

- Thực hiện đãi ngộ xứng đáng đối với cán bộ y tế có trình độ chuyên môn cao; thực hiện các chính sách khuyến khích người có trình độ chuyên môn làm việc tại y tế cơ sở, vùng sâu, vùng xa và trong các lĩnh vực y tế dự phòng, pháp y, tâm thần, lao, phong, .v.v.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong y tế, triển khai thống nhất, đồng bộ, hiệu quả các phần mềm hồ sơ sức khỏe cá nhân, hệ thống thông tin bệnh viện (HIS), hệ thống lưu trữ và truyền tải hình ảnh (PACS), bệnh án điện tử (EMR) trên địa bàn tỉnh.

- Kết nối liên thông dữ liệu (gồm có: dữ liệu hành chính, dữ liệu chuyên môn...) giữa các đơn vị trực thuộc với Sở Y tế, hình thành mạng lưới thông tin ngành y tế đồng bộ, thông suốt góp phần phục vụ người dân và công tác quản lý, chỉ đạo điều hành.

## **11. Tổ chức thực hiện các dự án thành phần**

Các dự án thành phần được ban hành tại Quyết định số 721/QĐ-UBND ngày 04/3/2021 của UBND tỉnh Lào Cai)

### **11.1. Dự án 1: Đẩy mạnh công tác dân số, đảm bảo quy mô, cơ cấu và chất lượng dân số phù hợp với điều kiện phát triển KT-XH tỉnh Lào Cai.**

#### ***a) Đẩy mạnh công tác truyền thông, vận động thực hiện công tác dân số trong tình hình mới***

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình, đưa dân số thành một chỉ tiêu trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; lồng ghép các nội dung về dân số vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn và nghiên cứu khoa học tại các trường, cơ sở đào tạo trong tỉnh.

- Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ đảng, chính quyền địa phương; đồng thời thực hiện quản lý chuyên môn thống nhất. Thực hiện đãi ngộ thỏa đáng, nâng cao hiệu quả hoạt động của đội ngũ công tác viên ở thôn, tổ dân phố... Đẩy mạnh công tác đào tạo nâng cao năng lực, chuẩn hoá đội ngũ cán bộ dân số các cấp đáp ứng yêu cầu về công tác dân số trong tình hình mới.

- Tăng cường Truyền thông, vận động thực hiện công tác dân số trong tình hình mới: Tổ chức hiệu quả chiến dịch truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ dân số và phát triển; truyền thông tăng cường tại những địa bàn khó khăn; khai thác lợi thế của CNTT và các loại hình truyền thông mới; giáo dục dân số, giới tính, SKSS/KHHGD.<sup>13</sup>

- Đổi mới, đa dạng các hình thức, phương pháp truyền thông phù hợp từng nhóm đối tượng; đẩy mạnh truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng, tập trung khai thác phát triển những lợi thế của công nghệ thông tin và các loại hình truyền thông mới.

<sup>13</sup> Sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình



- Giáo dục dân số, giới tính, chăm sóc SKSS/KHHGD thông qua hình thức sinh hoạt ngoại khóa tại các trường chuyên nghiệp, các trường phổ thông trung học trên địa bàn toàn tỉnh. Tỷ lệ thanh niên, vị thành niên (từ 15 đến 24 tuổi) được tư vấn, khám sức khỏe trước kết hôn 30%.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan truyền thông về thực hiện chính sách dân số; truyền thông hưởng ứng nhân các ngày sự kiện: Ngày Dân số Thế giới (11/7); Tháng hành động quốc gia về dân số và Ngày Dân số Việt Nam (26/12); Ngày Người cao tuổi Việt Nam (6/6); Ngày tránh thai thế giới (26/9); Ngày Quốc tế người cao tuổi (01/10) và Tháng hành động người cao tuổi Việt Nam; Ngày quốc tế trẻ em gái (11/10).

- Cung cấp trang thiết bị, sản phẩm truyền thông cho các cơ quan trực tiếp làm công tác dân số các cấp; ưu tiên và đáp ứng nhu cầu tuyến cơ sở để thực hiện truyền thông có hiệu quả; Xây dựng các cụm pa nô, áp phích tuyên truyền về công tác dân số trong tình hình mới tại các khu vực đông dân cư.

#### ***b) Đảm bảo hậu cần và cung cấp dịch vụ KHHGD<sup>14</sup>***

- Đảm bảo hậu cần và cung cấp dịch vụ KHHGD đáp ứng nhu cầu sử dụng các biện pháp tránh thai, nhằm duy trì mức sinh thay thế trên địa bàn tỉnh. Phấn đấu duy trì tỷ lệ các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ áp dụng biện pháp tránh thai 70%; Giảm tỷ suất sinh thô bình quân 0,3‰/năm; Giảm tỷ số giới tính khi sinh 0,6 điểm ‰/năm; Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên trong khoảng 1,0 - 1,2%; quy mô dân số khoảng 812.000 người.

- Hỗ trợ thanh toán các dịch vụ kỹ thuật SKSS/KHHGD cho đối tượng là người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân tộc thiểu số tại các xã đặc biệt khó khăn; hỗ trợ cán bộ dân số tham gia thực hiện chiến dịch tại các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, vùng sâu, vùng xa.

- Mua sắm, sửa chữa trang thiết bị chuyên môn, kỹ thuật; hỗ trợ cán bộ dân số các tuyến tham gia thực hiện Chiến dịch truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ dân số và phát triển tại các xã đặc biệt khó khăn.

- Đẩy mạnh các hoạt động xã hội hóa công tác dân số và phát triển, thực hiện tiếp thị xã hội, xã hội hóa các phương tiện tránh thai tại địa bàn thành phố và vùng nông thôn phát triển theo đề án của Bộ Y tế; huy động các nguồn lực trong nhân dân hỗ trợ công tác dân số và phát triển.

#### ***c) Đẩy mạnh thực hiện các dịch vụ nâng cao chất lượng giống nòi***

- Phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của mạng lưới cung cấp dịch vụ dân số toàn diện về quy mô, cơ cấu, chất lượng và phân bố dân số. Đẩy mạnh các dịch vụ chăm sóc, nâng cao chất lượng giống nòi: Tư vấn, giáo dục dân số, giới tính, SKSS/KHHGD, sàng lọc bệnh Thalassemia cho thanh niên, vị thành niên; mở rộng dịch vụ sàng lọc trước sinh và sàng lọc sơ sinh, quản lý, khám sức khỏe cho người cao tuổi. Tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ

<sup>14</sup> Kế hoạch hóa gia đình

cán bộ làm công tác dân số các cấp, thành viên Ban chỉ đạo công tác dân số ở cơ sở, trưởng thôn bản; đưa chính sách dân số vào hương ước, quy ước làng, bản.

- Mở rộng dịch vụ sàng lọc trước sinh và sàng lọc sơ sinh: Thực hiện xã hội hóa sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh tại các cơ sở y tế công lập và dân lập có đủ điều kiện trên địa bàn toàn tỉnh; cung cấp miễn phí cho các đối tượng ưu tiên theo quy định của chương trình và chính sách hỗ trợ của địa phương. Đến 2025, tỷ lệ bà mẹ mang thai được sàng lọc trước sinh 40%; tỷ lệ trẻ sơ sinh được sàng lọc 60%;

- Triển khai, đẩy mạnh các hoạt động tư vấn khám sức khỏe trước hôn nhân cho thanh niên, vị thành niên trên địa bàn đặc biệt tại khu vực đông đồng bào dân tộc thiểu số, các xã có tỷ lệ tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống cao

- Tiếp tục triển khai các mô hình điểm về giảm tỷ lệ tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống và giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh tại các xã, đặc biệt quan tâm xã có nhiều DTTS và có dấu hiệu mất cân bằng giới tính khi sinh.

- Quản lý, khám sức khỏe định kỳ, sàng lọc phát hiện bệnh sớm cho người cao tuổi tại cộng đồng; xây dựng mô hình chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi tại cộng đồng. Sàng lọc phát hiện khuyết tật, xây dựng mô hình phục hồi chức năng cho người khuyết tật; tổ chức đào tạo, tập huấn về quản lý, cung cấp dịch vụ phục hồi chức năng cơ bản tại cơ sở. Tỷ lệ người cao tuổi (trên 60 tuổi) được khám sức khỏe định kỳ ít nhất 1 lần/năm đạt 70% trở lên, tỷ lệ người cao tuổi được lập hồ sơ theo dõi, quản lý sức khỏe đạt 95%

#### ***d) Nâng cao năng lực tổ chức và thực hiện chương trình***

- Duy trì tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ làm công tác dân số các cấp về quản lý chương trình, thu thập cập nhật thông tin, thực hiện báo cáo thống kê chuyên ngành, sức khỏe sinh sản cộng đồng. Sửa chữa nâng cấp hệ thống máy tính tuyến tỉnh, huyện, trang bị máy tính, phần mềm quản lý dữ liệu dân số- KHHGD cho các trạm y tế tuyến xã.

- Tập huấn kỹ năng truyền thông về công tác dân số, bổ sung kiến thức kỹ năng tổ chức hoạt động tại cơ sở; kỹ năng vận dụng thực tiễn phát hiện và giải quyết các vấn đề còn tồn tại, hạn chế về công tác dân số tại cộng đồng cho các cán bộ là thành viên Ban chỉ đạo công tác dân số ở cơ sở, trưởng thôn bản, chủ nhiệm các câu lạc bộ, những người có uy tín trong cộng đồng...

- Bổ sung và duy trì thực hiện đưa chính sách dân số vào hương ước quy ước làng, bản; hỗ trợ và khuyến khích đối với cá nhân, cộng đồng thực hiện tốt chính sách dân số; Hỗ trợ thù lao cho công tác viên dân số tại các tổ dân phố và tại thôn bản, không có y tế thôn bản.

#### ***đ. Bổ sung vi chất dinh dưỡng***

Bổ sung vi chất dinh dưỡng cho phụ nữ có thai, trẻ em dưới 2 tuổi, hỗ trợ công tác viên dinh dưỡng; quan tâm các đối tượng thuộc hộ nghèo, DTTS...

**11.2. Dự án 2: Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, phát triển đa dạng cơ sở dịch vụ y tế**

## a) Phát triển cơ sở vật chất

### \* Tuyển tỉnh

- Quy hoạch, xây dựng BVĐK<sup>15</sup> tỉnh giai đoạn 2. Xây mới khu nhà 9 tầng (Diện tích xây dựng: 39.400 m<sup>2</sup>), đáp quy mô 900-1.000 GB xứng tầm bệnh viện khu vực vào năm 2023; rà soát, xây dựng các phương án cải tạo, nâng cấp, sửa chữa cơ sở hạ tầng, điện, nước, phòng cháy, chữa cháy, hệ thống xử lý rác thải; sửa chữa các khu nhà đã xuống cấp đảm bảo an ninh trật tự, đáp ứng yêu cầu chuyên môn (*dự kiến kinh phí: 250 tỷ*). Tiếp tục phát triển, thành lập Trung tâm trực thuộc bệnh viện: Trung tâm cấp cứu 115; Trung tâm xét nghiệm; Chẩn đoán hình ảnh; Tạo hình thẩm mỹ; Huyết học truyền máu...

- Bệnh viện Sản Nhi: Xây khu điều trị chất lượng cao, quy mô 6 tầng, 100 giường bệnh năm 2021 (*dự kiến 72 tỷ đồng từ nguồn vốn vay và các nguồn vốn hợp pháp khác*).

- Bệnh viện Phục hồi chức năng:

+ Xây Bệnh viện giai đoạn II, bố trí khu hành chính, các phòng chuyên môn, kỹ thuật; luyện tập đa năng năm 2022-2023 (*dự kiến 60 tỷ đồng*);

+ Xây Trung tâm Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi trực thuộc BV Phục hồi chức năng vào năm 2021 (*dự kiến 60 tỷ từ nguồn vốn vay*).

- Quy hoạch, bố trí quỹ đất để đầu tư xây mới trụ sở Trung tâm Kiểm dịch Y tế quốc tế, đảm bảo thực hiện nhiệm vụ và công tác kiểm soát dịch bệnh khu vực cửa khẩu, dự kiến kinh phí xây dựng: 30 tỷ đồng.

### \* Tuyển huyện

- *Các dự án chuyển tiếp:*

Tiếp tục thực hiện dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016-2020, hoàn thiện xây dựng khu nhà kỹ thuật 7 tầng BVĐK huyện Bảo Thắng; các dự án sửa chữa BVĐK tỉnh.

- *Xây mới BVĐK, TTYT, PKĐKKV.*

+ Xây mới BVĐK huyện Mường Khương (200 GB) vào năm 2021 (*dự kiến 200 tỷ đồng*).

+ Xây mới BVĐK huyện Văn Bàn tại địa điểm mới, diện tích 3-5 ha; quy mô 200 GB vào năm 2021, đã bao gồm cả TTYT (*dự kiến 200 tỷ đồng*);

+ Xây mới Bệnh viện đa khoa huyện Bắc Hà, nâng quy mô bệnh viện lên: 200 GB, dự kiến kinh phí: 200 tỷ (Giao UBND huyện Bắc Hà, phối hợp Sở Y tế, các sở, ngành liên quan tham mưu quy hoạch khu mới cho xây dựng Bệnh viện).

+ Xây mới BVĐK huyện Bát Xát, dự kiến 250 tỷ đồng (Giao UBND huyện Bát Xát, phối hợp Sở Y tế, các sở, ngành liên quan tham mưu quy hoạch khu mới cho xây dựng Bệnh viện).

---

<sup>15</sup> Bệnh viện đa khoa

+ Xây mới BVĐK huyện Bảo Yên, dự kiến 200 tỷ đồng (Giao UBND huyện Bảo Yên, phối hợp Sở Y tế, các sở, ngành liên quan tham mưu quy hoạch khu mới cho xây dựng Bệnh viện).

+ Xây mới, BVĐK thành phố Lào Cai, chuẩn bị điều kiện cơ sở vật chất để phát triển nâng hạng Bệnh viện từ hạng III thành Bệnh viện hạng II, quy mô đạt 300 giường bệnh, (*dự kiến 200 tỷ*).

+ Nâng cấp BVĐK huyện Sa Pa lên quy mô 200 GB: Sửa chữa nâng cấp cơ sở hạ tầng toàn bộ các khối nhà trong bệnh viện, xây mới khu vực đón tiếp và khoa khám bệnh; xây dựng mới cơ sở dịch vụ khám chữa bệnh theo yêu cầu gắn với du lịch, nhà cấp II diện tích 1000 m<sup>2</sup>; xây khu nhà xã hội hóa... (*dự kiến 50 tỷ đồng*).

+ Xây mới Trung tâm Y tế huyện Bảo Yên (*dự kiến 20 tỷ*).

+ Xây mới Trung tâm Y tế huyện Bảo Thắng (*dự kiến 20 tỷ*).

+ Xây mới Trung tâm Y tế huyện Bắc Hà (*dự kiến 20 tỷ*).

+ Xây mới Trung tâm Y tế huyện Văn Bàn (*dự kiến 20 tỷ*).

+ Xây mới Trung tâm Y tế huyện Bát Xát (*dự kiến 20 tỷ*).

+ Xây mới, phát triển PKĐKKV Bảo Hà - huyện Bảo Yên lên quy mô Bệnh viện khu vực 50 giường bệnh để đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân trong khu vực (*dự kiến 30 tỷ*).

+ Xây mới 1 nhà điều trị cho PKĐKKV Cán Cầu, huyện Si Ma Cai (*dự kiến 8 tỷ đồng*).

### **c) Nâng cấp, sửa chữa BVĐK, TTYT, PKĐKKV**

- Nâng cấp BVĐK huyện Bảo Thắng: Xây mới khu xử lý rác thải đáp ứng cho BV có quy mô 400-450 GB; xây mới 01 tòa nhà thay thế Khối nhà C đã xuống cấp không thể cải tạo sửa chữa (*dự kiến 40 tỷ đồng*). Lấy toàn bộ khu đất diện tích 1,05 ha phía Đông Bệnh viện (diện tích sau mở rộng khoảng 2,96 ha).

- Nâng cấp Trung tâm Y tế huyện Sa Pa: Sử dụng nguồn vốn xây dựng 4 trạm y tế (*các phường Cầu Mây, Sa Pa, Ô Quý Hồ, Phan Si Păng*) để xây dựng 01 khối nhà tại TTYT vào năm 2022, để có điều kiện chuyển 06 TYT phường vào hoạt động tại Trung tâm Y tế (*dự kiến 20 tỷ đồng*).

- Nâng cấp TTYT huyện Si Ma Cai: Xây mới khu nhà cho các hoạt động xét nghiệm, phục hồi chức năng; xây mới hệ thống xử lý chất thải lỏng; xây mới nhà tiết chế dinh dưỡng...vào năm 2021 (*dự kiến 40 tỷ*).

- Nâng cấp PKĐKKV Tầng Lỏng - huyện Bảo Thắng: Xây tường bao, hệ thống xử lý rác thải (*dự kiến 8,4 tỷ*).

- Nâng cấp PKĐKKV Thanh phú- Huyện Sa Pa: Xây nhà điều trị, xây tường bao quanh, nhà công vụ (*dự kiến 15 tỷ*);

Phát triển, mở rộng quỹ đất các BVĐK huyện, định hướng quy hoạch các trung tâm y tế huyện về gần sát BVĐK huyện nhằm hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật,

góp phần hoạt động hiệu quả hơn và sẵn sàng cho việc sáp nhập tuyến huyện khi yêu cầu bắt buộc.

Trong năm 2021, các huyện, thành phố sớm bố trí trụ sở làm việc, quỹ đất cho các trung tâm y tế hiện chưa được cấp; chuẩn bị sẵn sàng các phương án giải phóng, đền bù để mở rộng quỹ đất cho các bệnh viện tuyến huyện, TP, thị xã.

Các PKĐKKV và trạm y tế trên cùng địa bàn một xã thì hoạt động lồng ghép. Tiếp tục xem xét, giải thể các PKĐKKV hoạt động kém hiệu quả.

Nghiên cứu việc thành lập lại PKĐKKV Y Tý (huyện Bát Xát), định hướng nâng cấp thành Bệnh viện khu vực vào giai đoạn tiếp theo để đáp ứng cho phát triển du lịch khu vực Y Tý. Thành lập ĐKKV Hợp Thành (TP Lào Cai).

#### **- Tuyến xã**

+ Khi đủ điều kiện, sáp nhập trạm y tế phường tại Thành phố Lào Cai và Thị xã Sa Pa về hoạt động lồng ghép tại trung tâm y tế Thành phố, thị xã; sáp nhập các trạm y tế thị trấn vào trung tâm y tế huyện (trên địa bàn tỉnh chỉ còn 127 trạm y tế xã hoạt động độc lập).

+ Xây mới 03 trạm y tế: Xã Bản Liền, Lũng Phình (Bắc Hà) do đã xuống cấp; trạm y tế xã Thống Nhất (TP Lào Cai) do xã mới thành lập chưa có trạm y tế.

+ Sửa chữa nâng cấp 67 trạm y tế xã tại các huyện, TP, thị xã: Xây tường bao quanh, nhà công vụ, hệ thống xử lý chất thải...).

#### **b) Đầu tư trang thiết bị**

- Tiếp tục bổ sung trang thiết bị cho các Trung tâm y tế tuyến tỉnh (Kiểm nghiệm, Giám định Y khoa, Kiểm soát bệnh tật, Pháp Y, Kiểm dịch y tế QT), điều chuyển các trang thiết bị hợp lý giữa các đơn vị. Bổ sung trang thiết bị, phương tiện vận chuyển các đơn vị dự phòng tuyến huyện, thành phố.

- Bổ sung trang thiết bị cho các bệnh viện tuyến tỉnh (BVĐK tỉnh, Bệnh viện Sản nhi, Bệnh viện YHCT, PHCN, Nội tiết) từng bước hiện đại để triển khai thực hiện đầy đủ các dịch vụ chuyên môn kỹ thuật theo phân tuyến của Bộ Y tế. Thực hiện tốt việc tiếp nhận chuyển giao các kỹ thuật vượt tuyến, nâng cao khả năng điều trị tại tuyến tỉnh, giảm chuyển tuyến.

- Đầu tư bổ sung trang thiết bị cho các BVĐK tuyến huyện, thành phố, thị xã, triển khai các dịch vụ kỹ thuật theo phân tuyến, tiến tới triển khai các dịch vụ kỹ thuật cao ngay tại tuyến huyện.

- Tăng cường đầu tư thiết bị công nghệ thông tin cho các đơn vị y tế nhằm tăng cường công tác chỉ đạo điều hành, quản lý khám chữa bệnh, dịch bệnh, quản lý sức khỏe người dân.

- Bổ sung trang thiết bị trạm y tế cho đủ danh mục theo quy định tại Thông tư số 28/2020/TT-BYT ngày 31/12/2020 quy định danh mục TTB tối thiểu của trạm y tế tuyến xã và Quyết định số 4389/QĐ-BYT ngày 11/7/2018 về việc phê duyệt danh mục trang thiết bị cho trạm y tế xã mô hình điểm phục vụ

triển khai Đề án y tế cơ sở theo Quyết định 2348/QĐ-TTg ngày 05/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

**c) Phát triển Y tế tư nhân, y tế trường học, doanh nghiệp**

- Khuyến khích phát triển các bệnh viện đa khoa, bệnh viện chuyên khoa, phòng khám đa khoa tư nhân tại thành phố, thị trấn; phòng khám đa khoa tại những nơi tập trung đông dân cư, các khu vực xa cơ sở y tế công lập; phát triển các dịch vụ tư vấn sức khỏe, hoạt động theo mô hình “Bác sỹ gia đình”; khuyến khích phát triển các dịch vụ khám chữa bệnh chất lượng cao và các cơ sở điều dưỡng tư nhân, cơ sở vật chất chuyên bệnh nhân.

- Tăng qui mô giường bệnh Bệnh viện đa khoa Hưng Thịnh lên 120 giường bệnh. Mở rộng quy mô, bổ sung trang thiết bị y tế và các danh mục dịch vụ chuyên môn kỹ thuật, đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân.

- Tổ chức khám chữa bệnh BHYT tại các cơ sở y tế ngoài công lập đủ tiêu chuẩn, để thuận tiện hơn cho người dân và tạo sự cạnh tranh lành mạnh trong nâng cao chất lượng phục vụ người bệnh. Triển khai xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai và dịch vụ chăm sóc SKSS/KHHGD tại cơ sở hành nghề y dược tư nhân.

- Duy trì hoạt động mạng lưới y tế trường học, đối với các trường không có cán bộ y tế thì hợp đồng với các trạm y tế trong CSSK học sinh.

- Tổ chức y tế cơ quan: Doanh nghiệp có dưới 300 lao động có 1 cán bộ y tế có trình độ trung cấp phục vụ; các doanh nghiệp có từ 300 đến dưới 500 người có 2 cán bộ y tế (01 bác sỹ/y sỹ và 1 cán bộ có trình độ trung cấp); các doanh nghiệp có từ 500 người đến 1.000 người phải có ít nhất có 1 bác sỹ và mỗi ca làm việc có 01 người làm công tác y tế có trình độ trung cấp... và các quy định khác tại Nghị định 39/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ.

**d) Xây dựng và duy trì xã đạt bộ tiêu chí quốc gia y tế**

Đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất các trạm y tế xã, phường, thị trấn đảm bảo theo quy định. Các trạm y tế đều có đầy đủ các công trình phụ trợ (Cổng, tường bao quanh trạm, bếp ăn bệnh nhân...), các trạm y tế ở xa, vùng đặc biệt khó khăn có nhà công vụ cho cán bộ y tế. Các trạm y tế đều có đầy đủ các trang thiết bị y tế quy định tại của Bộ Y tế.

Bảo đảm nhân lực trạm y tế có đầy đủ các vị trí: Y, bác sỹ, nữ hộ sinh, dược sỹ, điều dưỡng... Tiếp tục bố trí bác sỹ cho các trạm y tế, ưu tiên các xã vùng sâu, vùng xa, xã đặc biệt khó khăn. Tiếp tục luân phiên bác sỹ về hoạt động tại tuyến xã tối thiểu 2 ngày/tuần. Tiếp tục đào tạo bổ sung để mỗi thôn bản có 1 nhân viên y tế thôn bản có trình độ đào tạo 6-9 tháng trở lên.

Tiếp tục củng cố, hoàn thiện, nâng cao năng lực chuyên môn tuyến xã; triển khai đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu.. đặc biệt là các chỉ tiêu về giảm suy dinh dưỡng trẻ em, quản lý sức khỏe người dân, quản lý bệnh không lây nhiễm tại cộng đồng...

Duy trì và nâng cao chất lượng 100% các xã đạt tiêu chí quốc gia y tế theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

### **11.3. Dự án 3. Đào tạo, phát triển và sử dụng hiệu quả nhân lực y tế**

#### **a) Đào tạo, tuyển dụng đội ngũ cán bộ y tế**

Thực hiện quy mô, cơ cấu cán bộ y tế các tuyến theo hướng dẫn khung năng lực vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp theo quy định của Bộ Y tế. Đối với tuyển xã tiếp tục căn cứ các tiêu chí tại Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã ban hành theo Quyết định 4667/QĐ-BYT ngày 07/11/2014 của Bộ Y tế để phát triển đội ngũ y tế tuyến xã, ưu tiên tuyển dụng đội ngũ bác sỹ.

Tăng cường công tác đào tạo nhằm từng bước hình thành đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn cao và quản lý giỏi, bảo đảm tính đồng bộ trên các lĩnh vực chuyên khoa; Đào tạo nâng cao trình độ cho cán bộ y tế có trình độ đại học, chuyên khoa I, chuyên khoa II, thạc sỹ công tác ổn định lâu dài, thông qua đó xây dựng đội ngũ cán bộ y tế tuyến cơ sở có đủ năng lực chuyên môn thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu tại tuyến y tế cơ sở.

- Phấn đấu đạt 15 bác sỹ, 3,5 dược sỹ đại học, 25 điều dưỡng viên trên 10.000 dân; toàn tỉnh có ít nhất 50% bác sỹ có trình độ sau đại học. Số trạm y tế có bác sỹ (hoặc cử nhân y tế công cộng) hoạt động: 50%, quan tâm các trạm y tế vùng 3, vùng sâu.

- Bệnh viện tuyến tỉnh: Có ít nhất 60% bác sỹ có trình độ sau đại học, chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí việc làm; cấp trưởng, phó các trung tâm; trưởng, phó các khoa, phòng có trình độ sau đại học.

- Bệnh viện huyện, thành phố/thị xã: Có tối thiểu các chuyên khoa nội, ngoại, sản, nhi, hồi sức cấp cứu (mỗi chuyên khoa có ít nhất 02 bác sỹ có trình độ sau đại học); trưởng, phó các khoa, phòng có trình độ sau đại học.

- Đạt 90% lãnh đạo các bệnh viện được đào tạo và cấp chứng chỉ về quản lý bệnh viện, đối với Bệnh viện hạng II trở lên.

- 100% cán bộ lãnh đạo đương chức, 70% cán bộ qui hoạch cấp trưởng, phó phòng ban, chi cục và tương đương trực thuộc Sở Y tế được đào tạo đủ tiêu chuẩn bổ nhiệm (*chính trị, quản lý nhà nước, bồi dưỡng chức danh lãnh đạo cấp phòng, an ninh quốc phòng, tin học, ngoại ngữ,...*).

- Đạt 50% bác sỹ làm việc tại trạm y tế xã được đào tạo về y học gia đình.

#### **\* Đào tạo đại học, sau đại học:**

- Đào tạo bác sỹ sau đại học: 230 (trung bình 46 bác sỹ/năm), trong đó: Tiến sỹ, chuyên khoa II: 38; thạc sỹ, chuyên khoa I: 192.

- Đào tạo dược sỹ đại học, sau đại học: 55 (trung bình 11 DS đại học/năm).

#### **\* Tuyển dụng:**

- Bác sỹ trở lên: 305 (trung bình 61 BS/năm);

- Dược sỹ đại học trở lên: 74 (15 DS/năm).

\* **Đào tạo, tuyển dụng bổ sung điều dưỡng** (điều dưỡng, hộ sinh, KTV): 225 (bình quân 45 điều dưỡng/năm).

\* **Đào tạo nâng cao, tập huấn kiến thức**

- Đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn theo Thông tư 22/2013/TT-BYT ngày 09/08/2013 hướng dẫn đào tạo liên tục cho cán bộ y tế, đảm bảo 48 tiết/2 năm liên tiếp đối với người hành nghề khám chữa bệnh hoặc 120 tiết/ 5 năm liên tiếp đối với người đang làm việc tại các cơ sở y tế ngoài lĩnh vực KCB

- Tiếp tục thực hiện Đề án Bệnh viện vệ tinh, Đề án 1816 về “Cử cán bộ chuyên môn luân phiên từ bệnh viện tuyến trên về hỗ trợ tuyến dưới nhằm nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh”, Đề án 585 về thí điểm đưa bác sỹ trẻ, tình nguyện về công tác tại miền núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo, vùng có điều kiện đặc biệt khó khăn (ưu tiên các huyện nghèo) của Bộ Y tế; thông qua đề án đưa bác sỹ có chuyên môn cao từ các bệnh viện tuyến trên, tuyến Trung ương về địa phương chuyển giao kỹ thuật, đào tạo tại chỗ cho các bệnh viện tuyến tỉnh; tuyến huyện.

- Khuyến khích và tạo điều kiện để các cán bộ y tế có trình độ chuyên môn cao đã nghỉ hưu, còn đủ điều kiện sức khỏe có thể tiếp tục hành nghề (hợp đồng) ở các tuyến.

- Đào tạo về nguyên lý y học gia đình cho bác sỹ đa khoa, y sỹ, điều dưỡng, nữ hộ sinh, dược sỹ, quan tâm đến đội ngũ cán bộ công tác tại các trạm y tế xã.

**b) Tiếp tục thực hiện chính sách thu hút, đãi ngộ, hỗ trợ đào tạo của tỉnh trong tình hình mới giai đoạn đến 2025.**

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành quy định chính sách thu hút, đãi ngộ, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực tỉnh Lào Cai giai đoạn 2021-2025. Dự kiến thu hút 100; hỗ trợ đào tạo: Đào tạo CKII, Tiến sỹ: 54; CKI, thạc sỹ: 247, bác sỹ chính quy: 100; Đãi ngộ: 1.500 lượt người - trung bình 300 người/năm.

- Tiếp tục thực hiện chính sách luân phiên cán bộ y tế tuyến trên về tuyến dưới làm việc 2 buổi/ tuần tại các trạm y tế tuyến xã.

**IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

**1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phát huy sự tham gia của Ủy ban MTTQ Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và của toàn xã hội trong bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân**

- Tăng cường phân công, phân cấp, phát huy vai trò của cấp uỷ, chính quyền các cấp để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Đề án; nâng cao năng lực, hiệu lực quản lý nhà nước; phát huy mạnh mẽ vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể và của cả cộng đồng trong công tác CSSKND.



- Xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án từng năm, có đánh giá kết quả thực hiện và gắn với chỉ tiêu thi đua của đơn vị, ngành, địa phương. Thường xuyên theo dõi, đôn đốc, hỗ trợ, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện Đề án.

- Thực hiện tốt quản lý nhà nước bằng pháp luật trong lĩnh vực y tế. Tăng cường quản lý công tác khám chữa bệnh cả công lập và ngoài công lập; quản lý các hoạt động kinh doanh dược, thuốc, hóa chất, vật tư y tế, dược liệu.

## **2. Đẩy mạnh truyền thông - giáo dục sức khỏe**

- Đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác truyền thông - giáo dục sức khỏe. Thực hiện truyền thông qua phương tiện thông tin đại chúng, truyền thông trực tiếp tại cộng đồng; có các hình thức truyền thông linh hoạt, phù hợp với từng vùng dân tộc thiểu số.

- Cùng cố phát huy vai trò của đơn vị truyền thông và cán bộ chuyên trách của ngành; tăng cường công tác phối hợp giữa các sở, ngành, các huyện, thành phố, thị xã trong truyền thông giáo dục sức khỏe; bồi dưỡng nâng cao kỹ năng và sử dụng hiệu quả y tế thôn bản trong tuyên truyền phòng bệnh.

## **3. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách lĩnh vực y tế, dân số**

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ của tỉnh: Chính sách thu hút, đãi ngộ, hỗ trợ đào tạo nhân lực y tế; Chính sách hỗ trợ công tác dân số- KHHGD; chính sách hỗ trợ kinh phí cho người nghèo, dân tộc thiểu số, các đối tượng chính sách, bệnh xã hội. Chính sách về BHYT, ưu đãi một số chuyên ngành độc hại; các chính sách xã hội hoá, và quy định về công tác thi đua khen thưởng lĩnh vực y tế.v.v.

- Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; hoàn thiện, bổ sung cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính của đơn vị sự nghiệp y tế bảo đảm thực hiện đúng pháp luật.

- Bổ sung các quy định về hỗ trợ phát triển y tế cơ sở, bố trí nhà công vụ tại các cơ sở y tế có bác sỹ về làm việc; tích cực, ưu tiên đào tạo nhân lực y tế người địa phương; đầu tư phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị phát triển dịch vụ y tế.

## **4. Đổi mới hệ thống quản lý và cung cấp dịch vụ y tế**

- Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống tổ chức y tế theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả và hội nhập quốc tế. Tổ chức hệ thống cung ứng dịch vụ y tế theo 3 cấp chuyên môn; tổ chức hệ thống trạm y tế gắn với y tế học đường và phù hợp với đặc điểm của địa phương. Khuyến khích phát triển hệ thống bệnh viện, các phòng khám đa khoa, chuyên khoa, cơ sở chăm sóc sức khỏe, điều dưỡng ngoài công lập.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm vi phạm. Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, cung cấp dịch vụ, giảm phiền hà, tạo thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân và người dân khi đi KCB.

## **5. Đổi mới mạnh mẽ tài chính y tế**

- Tăng cường đầu tư và đẩy mạnh quá trình cơ cấu lại ngân sách nhà nước trong lĩnh vực y tế để có nguồn lực triển khai toàn diện công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, nhất là đối với các đối tượng chính sách, đồng bào dân tộc thiểu số...

- Ưu tiên bố trí ngân sách, bảo đảm tốc độ tăng chi cho y tế cao hơn tốc độ tăng chi ngân sách nhà nước. Tập trung ngân sách nhà nước cho y tế dự phòng, y tế cơ sở, bệnh viện ở vùng khó khăn, biên giới, lĩnh vực phong, lao, tâm thần, .v.v.

- Thực hiện nguyên tắc y tế công cộng do ngân sách nhà nước bảo đảm là chủ yếu. Khám, chữa bệnh do BHYT và người dân chi trả. Ngân sách nhà nước, BHYT bảo đảm chi trả cho các dịch vụ ở mức cơ bản; người sử dụng dịch vụ chi trả cho phần vượt mức; khuyến khích người dân khám, chữa bệnh ở tuyến dưới.

- Đổi mới mạnh mẽ công tác quản lý và tổ chức hoạt động của các đơn vị sự nghiệp y tế công lập. Đẩy mạnh thực hiện quyền tự chủ về nhiệm vụ chuyên môn, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính. Đa dạng hóa các hình thức hợp tác công - tư; tăng cường quản lý nhà nước, xây dựng và thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm ngăn chặn tình trạng lợi dụng chủ trương xã hội hóa để trục lợi cá nhân.

- Từng bước thực hiện chuyển chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước cấp trực tiếp cho cơ sở khám, chữa bệnh sang hỗ trợ người tham gia BHYT gắn với lộ trình tính đúng, tính đủ giá dịch vụ y tế.

- Từng bước triển khai cơ chế cho thuê chuyên gia, người có trình độ chuyên môn cao về thực hiện các dịch vụ chuyên môn kỹ thuật tại các bệnh viện trên địa bàn tỉnh.

## **6. Đẩy mạnh xã hội hóa công tác CSSKND và công tác dân số**

- Đẩy mạnh xã hội hóa trong đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại phục vụ cho chẩn đoán và điều trị tại các bệnh viện công lập. Huy động sự tham gia các doanh nghiệp góp vốn đầu tư xây dựng các khu, nhà điều trị tại bệnh viện công lập. Đa dạng hóa các hình thức cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe trong đó y tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, cho phép các thành phần có đủ năng lực tham gia các dịch vụ y tế - dân số dưới sự quản lý của nhà nước nhằm cung ứng dịch vụ cho người dân và giảm bớt sức ép cho ngân sách nhà nước.

- Đa dạng hóa các loại hình chăm sóc sức khỏe, vận động phát triển y tế ngoài công lập có thêm các bệnh viện tư nhân, các phòng khám đa khoa, chuyên khoa tư nhân; phát triển cơ sở sản xuất, cung ứng thuốc chữa bệnh, trong đó ưu tiên phát triển cơ sở chế biến dược liệu, thuốc đông y.

- Vận động nhân dân tự giác tham gia các phong trào vệ sinh, rèn luyện thân thể, phòng bệnh, phòng dịch, bảo vệ môi trường, phòng chống các tệ nạn xã hội, xây dựng nếp sống văn minh, lành mạnh; tăng cường sử dụng y học cổ truyền dân tộc, nuôi, trồng các loại cây, con làm thuốc. Tham gia đóng góp và chi trả cho các dịch vụ CSSK thông qua BHYT, thực hiện BHYT toàn dân.

## **7. Chủ động, tích cực hội nhập, nâng cao hiệu quả hợp tác phát triển**

- Tăng cường hợp tác và chủ động hội nhập, tranh thủ sự hỗ trợ kỹ thuật và tài chính trong, ngoài tỉnh và quốc tế. Lập dự án, kêu gọi, vận động các nguồn lực từ các dự án quốc tế (ODA, NGO), khối doanh nghiệp và cộng đồng, hỗ trợ, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế.

- Hợp tác trong đào tạo nâng cao năng lực cán bộ nhằm tiếp thu các thành quả, tiến bộ khoa học trên thế giới và khu vực. Mở rộng liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia đầu tư phát triển y tế.

## **8. Phát triển, ứng dụng tiến bộ KHKT và công nghệ thông tin**

- Phát triển khoa học kỹ thuật, kỹ thuật cao trong phòng bệnh, chữa bệnh. Tiếp tục đầu tư các trang thiết bị hiện đại cho các bệnh viện tuyến tỉnh, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật, Kiểm nghiệm... để đủ khả năng ứng dụng triển khai có hiệu quả kỹ thuật công nghệ cao.

- Tổ chức thực hiện hiệu quả Đề án y tế thông minh; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ cao. Triển khai hệ thống thông tin bệnh viện (HIS), hệ thống lưu trữ và truyền tải hình ảnh (PACS), bệnh án điện tử (EMR) tại các bệnh viện, đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn, yêu cầu theo quy định, có khả năng kết nối dữ liệu phục vụ công tác quản lý, liên kết khám chữa bệnh các tuyến trên địa bàn toàn tỉnh.

- Triển khai hệ thống công thông tin điện tử ngành y tế, người dân dễ dàng đăng ký khám, chữa bệnh từ xa, lựa chọn cơ sở khám chữa bệnh, chuyên khoa. Đẩy mạnh chương trình quản lý sức khỏe, quản lý bệnh không lây nhiễm, bệnh xã hội, tiến tới quản lý sức khỏe điện tử tới từng người dân.

## **9. Tổ chức phong trào thi đua; kiểm tra, giám sát thực hiện Đề án**

- Đổi mới, nâng cao hiệu quả các phong trào thi đua yêu nước trên các lĩnh vực; phát hiện và nhân rộng các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt. Kịp thời khen thưởng động viên các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, lấy thi đua, khen thưởng là động lực thúc đẩy thực hiện hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

- Tăng cường công tác kiểm tra giám sát, phát hiện kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, chỉ đạo triển khai kịp thời các biện pháp, giải pháp can thiệp, tác động nhằm thực hiện hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ Đề án.

## **V. NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN**

**1. Tổng nhu cầu vốn giai đoạn 2021-2025: 3.326,6 tỷ đồng ( Ba ngàn ba trăm hai mươi sáu phẩy sáu tỷ đồng), trong đó:**

- Dự án 1: Đẩy mạnh công tác dân số, đảm bảo quy mô, cơ cấu và chất lượng dân số phù hợp với điều kiện phát triển KT - XH tỉnh: **72,51** tỷ đồng.

- Dự án 2: Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, phát triển đa dạng các dịch vụ y tế: **3.121,5** tỷ đồng.

- Dự án 3: Đào tạo, phát triển và sử dụng hiệu quả nhân lực y tế: **132,52** tỷ đồng.

## **2. Kinh phí theo nguồn vốn và theo năm:**

### **2.1. Theo nguồn vốn:**

a) Nguồn vốn ngân sách: 2.277 tỷ đồng;

- Vốn đầu tư ngân sách địa phương: 1.312,4 tỷ đồng;

- Vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu: 603,4 tỷ đồng;

- Vốn vay ODA: 361,2 tỷ.

b) Đầu tư ngân sách tỉnh, tăng thu tiết kiệm chi; vốn sự nghiệp NSDP: 830,2 tỷ đồng

c) Nguồn vốn khác: 209,4 tỷ đồng

### **2.2. Theo năm (đv tính: Tỷ đồng)**

<b>Năm</b>	<b>Tổng số</b>	<b>Vốn NSNN</b>	<b>Vốn ngoài NSNN</b>
2021	489,9	455,8	34,1
2022	990,2	878,1	112,1
2023	947,0	902,9	44,1
2024	722,2	707,4	14,8
2025	177,3	163,0	14,3
<b>Cộng</b>	<b>3.326,6</b>	<b>3.107,2</b>	<b>219,4</b>

(Chi tiết tại các phụ biểu 3 đính kèm)

## **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Sở Y tế**

Sở Y tế là cơ quan chủ trì, phối hợp với các cấp, các ngành liên quan tham mưu việc xây dựng kế hoạch hàng năm để thực hiện. Tham mưu đề xuất các giải pháp, các nguồn lực cụ thể với các bộ, ngành trung ương và Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh để tổ chức thực hiện.

- Tham mưu các cơ chế, chính sách mới về lĩnh vực liên quan. Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch.

- Chủ trì, phối hợp với các ban ngành, các đảng bộ trực thuộc và các tổ chức, đơn vị cơ quan liên quan tổng hợp tình hình thực hiện 6 tháng, hàng năm, sơ kết, tổng kết kết quả thực hiện Kế hoạch, báo cáo Tỉnh ủy và Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh.

### **2. Kế hoạch và Đầu tư**

Tham mưu việc cân đối, bố trí nguồn lực bảo đảm thực hiện Đề án và các dự án có hiệu quả, cấp phát, giám sát và quyết toán các nguồn ngân sách cho công tác y tế, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; phối hợp với Sở Y tế hướng dẫn, chỉ đạo, triển khai thực hiện các chương trình, dự án lĩnh vực y tế- Dân số.

### **3. Sở Tài chính**

Tham mưu cho UBND tỉnh cân đối nguồn lực địa phương, phân bổ vốn sự nghiệp và các nguồn vốn khác thuộc ngân sách địa phương theo thẩm quyền để thực hiện Kế hoạch; hướng dẫn, kiểm tra việc sử dụng các nguồn vốn theo quy định của pháp luật; phối hợp đề xuất cơ chế, chính sách liên quan đến việc thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực y tế theo quy định.

### **4. Sở Nội vụ**

Phối hợp tham mưu củng cố, kiện toàn hệ thống tổ chức, bộ máy ngành y tế; phối hợp thực hiện tốt chính sách thu hút, hỗ trợ đào tạo, đãi ngộ nguồn nhân lực tỉnh Lào Cai giai đoạn 2021 - 2025 ban hành theo Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai; từng bước phân cấp cho Hội đồng quản lý, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên chủ động về số lượng người làm việc và tổ chức tuyển dụng viên chức theo quy định của pháp luật.

### **5. Sở Giao thông, vận tải-Xây dựng**

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố, thị xã tham mưu UBND tỉnh đầu tư xây dựng cơ sở vật chất ngành y tế từng bước hiện đại, phù hợp với chuyên ngành, hoàn thành mục tiêu Kế hoạch.

### **6. Bảo hiểm xã hội tỉnh**

Phối hợp với Sở Y tế, các sở, ngành có liên quan trong việc hướng dẫn công tác khám chữa bệnh theo Luật Bảo hiểm y tế; sử dụng hiệu quả nguồn quỹ bảo hiểm y tế cho chăm sóc sức khỏe nhân dân.

### **7. Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn**

Phối hợp trong tham mưu, chỉ đạo việc cơ cấu nguồn lực từ chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới, đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất trạm y tế xã xây dựng, duy trì xã đạt tiêu chí quốc gia y tế, phối hợp đảm bảo ATTP lĩnh vực được giao phụ trách.

### **8. Sở Tài nguyên và Môi trường**

Phối hợp hướng dẫn xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cho sự nghiệp y tế đảm bảo đủ diện tích, ổn định lâu dài; tham mưu ưu tiên cấp đất các công trình y tế.

### **9. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

Chủ động lồng ghép hoạt động y tế với chương trình xoá đói giảm nghèo và thực hiện các chính sách xã hội liên quan. Phối hợp với ngành y tế trong kiểm tra, giám sát phát triển y tế các doanh nghiệp, công tác an toàn, vệ sinh lao động.

### **10. Sở Công thương**

Chỉ đạo tổ chức quản lý, giám sát, lưu thông phân phối và xuất nhập khẩu, lưu hành thực phẩm; phối hợp đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo lĩnh vực được phân công phụ trách.

### **11. Sở Giáo dục và Đào tạo**

Phối hợp với ngành y tế thực hiện tốt công tác tuyển sinh đào tạo cán bộ y tế; phối hợp xây dựng, nâng cao chất lượng hệ thống y tế trường học; phối hợp chỉ đạo hoạt động y tế học đường, giáo dục kiến thức về phòng chống dịch bệnh, nâng cao sức khỏe vị thành niên...

### **12. Các sở, ngành liên quan**

Theo chức năng nhiệm vụ, chỉ đạo các cơ quan theo ngành dọc phối hợp chặt chẽ với ngành y tế trong việc tuyên truyền trong nhân dân về mục tiêu, nhiệm vụ đề án; tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các mục tiêu có liên quan do ngành phụ trách.

### **13. UBND các huyện, thành phố, thị xã**

- Căn cứ Kế hoạch của UBND tỉnh, xây dựng, ban hành các nghị quyết, kế hoạch phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; huy động có hiệu quả các nguồn lực trên địa bàn cho thực hiện Đề án.

- Chỉ đạo các phòng, ban chức năng, UBND các xã, phường, thị trấn và toàn thể nhân dân trong huyện tổ chức thực hiện có hiệu quả các mục tiêu Kế hoạch.

### **14. Đề nghị UBMTTQ, các ban Đảng và các đoàn thể tỉnh**

Đề nghị UBMTTQ tỉnh, Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ, Ban Dân vận Tỉnh uỷ, Ban Dân tộc, Liên đoàn Lao động tỉnh, và các đoàn thể, các tổ chức xã hội, nghề nghiệp khác trên địa bàn tỉnh, tích cực tham gia công tác tuyên truyền, vận động, hướng dẫn nhân dân tích cực tham gia thực hiện Kế hoạch.

## **VII. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO**

### **1. Báo cáo định kỳ**

Định kỳ 6 tháng (*trước ngày 15/6*), 01 năm (*trước ngày 15/12*) các sở, ban, ngành liên quan, các huyện/thành phố/thị xã báo cáo kết quả thực hiện Đề án về Sở Y tế (Cơ quan thường trực Đề án). Sở Y tế báo cáo kết quả định kỳ 6 tháng (*trước ngày 20/6*), 01 năm (*trước ngày 20/12*) về UBND tỉnh.

### **2. Sơ kết, tổng kết đề án**

Đánh giá sơ kết Đề án vào tháng 12/2023, tổng kết kết quả thực hiện Đề án vào tháng 12/2025 theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Đề án số 07-ĐA/TU về “Bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân và công tác dân số tỉnh Lào Cai trong tình hình mới, giai đoạn 2020 - 2025” của UBND tỉnh Lào Cai, các sở, ban, ngành, UBND các huyện/thị xã/thành phố căn cứ triển khai, thực hiện./.

#### **Nơi nhận:**

- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT, TH, NC, VX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Giàng Thị Dung**

